BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 111/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA) và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP), bao gồm cả viện trợ không hoàn lại thực hiện theo cơ chế cho vay lại, viện trợ theo cơ chế cấp phát được giải ngân cùng với vốn vay và viện trợ hỗ trợ ngân sách.

2. Các khoản ODA viện trợ không hoàn lại thực hiện cơ chế cấp phát từ ngân sách nhà nước và được giải ngân riêng cho dự án hoặc dự án thành phần độc lập thuộc một chương trình, dự án sử dụng vốn ODA vay, vốn vay ưu đãi, được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư trên, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Trong trường hợp các quy định về quản lý tài chính tại Thông tư này có sự khác biệt với các Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi thì áp dụng theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng của phía Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu thống nhất với Điều 3 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2010/NĐ-CP).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, kế hoạch vốn hàng năm và được quản lý theo các quy định hiện hành áp dụng đối với vốn ngân sách nhà nước và vốn đầu tư công.

2. Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tuân thủ quy trình lập, chấp hành, hạch toán ngân sách nhà nước, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

3. Quy trình quản lý, thu hồi vốn cho vay lại từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, xử lý rủi ro cho vay lại thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 78/2010/NĐ-CP, quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các văn bản hướng dẫn.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Đối với các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội hoặc các lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước đối với các chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương.

b) Cấp phát một phần, cho vay lại một phần với tỷ lệ vay lại cụ thể vốn vay ODA, cho vay lại một phần hoặc toàn bộ đối với vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Nguồn vốn vay lại tính vào bội chi của ngân sách địa phương và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đối với các chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ hoặc một phần:

a) Cấp phát một phần đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

b) Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần theo tỷ lệ thu hồi vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Đối với dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi làm phần đóng góp của địa phương trong dự án đối tác công - tư (PPP) thực hiện cơ chế cho vay lại toàn bộ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định khác.

Chương II

XÁC ĐỊNH CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC VÀ CƠ CHẾ CHO VAY LẠI ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 6. Xác định cơ chế tài chính trong nước trong quá trình đề xuất, phê duyệt chương trình, dự án

1. Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đều phải xác định cơ chế tài chính trong nước qua các giai đoạn, cụ thể như sau:

a) Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

b) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

c) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư.

2. Nội dung cơ chế tài chính trong nước đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm:

a) Lập Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

- Xác định chương trình, dự án thuộc diện không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp hoặc dự án có khả năng thu hồi vốn một phần hoặc toàn bộ; trên cơ sở đó xác định chương trình, dự án thuộc đối tượng cấp phát toàn bộ (hay một phần) hoặc cho vay lại toàn bộ (hay một phần) phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều 5 Thông tư này.

- Xác định khả năng bố trí nguồn vốn đối ứng cho chương trình, dự án.

+ Đối với chương trình, dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát, nguồn vốn đối ứng được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan chủ quản theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

+ Đối với chương trình, dự án thuộc diện vay lại (toàn bộ hoặc một phần), nguồn vốn đối ứng do chủ dự án bố trí từ vốn chủ sở hữu hoặc nguồn vốn hợp pháp khác của chủ dự án.

- Đối với phần vốn vay lại: đánh giá sơ bộ nguồn thu hoặc nguồn vốn bố trí trả nợ.

- Làm rõ việc người vay lại đáp ứng các điều kiện được vay lại, cụ thể như sau:

+ Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: vốn vay lại phải đảm bảo không vượt hạn mức dư nợ và bội chi của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

+ Đối với doanh nghiệp: có tình hình tài chính lành mạnh, không bị lỗ trong ba năm liền kề gần nhất, trừ các khoản lỗ do thực hiện chính sách; tại thời điểm đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi không có nợ quá hạn với các tổ chức tài chính, tín dụng; không có nợ quá hạn liên quan đến khoản được Chính phủ bảo lãnh, các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ

và ngân sách nhà nước. Trường hợp doanh nghiệp chưa đủ 3 năm hoạt động liên tục thì phải có văn bản cam kết của chủ sở hữu hoặc của công ty mẹ về bảo đảm khả năng trả nợ đối với khoản vay lại.

+ Đối với tổ chức tài chính, tín dụng phải đạt được hệ số an toàn vốn theo quy định của pháp luật.

b) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

- Đối với chương trình, dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát một phần cần xác định rõ các hạng mục, hợp phần được ngân sách nhà nước cấp phát hoặc tỷ lệ vốn cấp phát, trong đó phân chia theo vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp.

- Đối với chương trình, dự án thuộc diện vay lại toàn bộ hoặc một phần cần xác định:

+ Tổng số vốn vay lại toàn bộ hoặc theo các hợp phần, trong đó dự kiến tiến độ giải ngân, rút vốn.

+ Khả năng cân đối vốn để trả nợ từ nguồn vốn hợp pháp của chủ dự án, bao gồm: nguồn vốn khấu hao, lợi nhuận để lại và các nguồn vốn khác (nếu có).

+ Năng lực tài chính của chủ dự án bao gồm vốn chủ sở hữu, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu; lợi nhuận sau thuế và các chỉ tiêu tài chính khác có liên quan theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền trước của năm báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Đối với chương trình, dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại một phần vốn ODA, vay lại toàn bộ hoặc một phần vốn vay ưu đãi hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại để làm vốn góp trong các dự án PPP.

+ Dư nợ vay hiện tại của chính quyền địa phương, bao gồm tất cả các khoản vay theo quy định.

+ Hạn mức dư nợ và bội chi của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

+ Dự kiến số vay tăng thêm trong trường hợp vay lại nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, đảm bảo tổng dư nợ không vượt quá hạn mức dư nợ theo quy định.

+ Khả năng bố trí ngân sách địa phương để thanh toán trả nợ đến hạn.

c) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư căn cứ theo Quyết định chủ trương đầu tư và cơ chế tài chính trong nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trên cơ sở tài liệu do các bộ, cơ quan trung ương, địa phương gửi, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến về cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

a) Trên cơ sở hồ sơ đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tuân thủ các nguyên tắc nêu tại Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có ý kiến về khả năng vay vốn tài trợ và cơ chế tài chính trong nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan có ý kiến về cơ chế tài chính trong nước, phương thức cho vay lại gửi Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định.

c) Đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (trừ dự án nhóm A), Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan có ý kiến về cơ chế tài chính trong nước, phương thức cho vay lại báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính cho chương trình, dự án và ý kiến của Bộ Tài chính, chủ chương trình, dự án hoàn thiện Văn kiện chương trình, dự án báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Trường hợp Văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi chưa xác định rõ cơ chế tài chính hoặc phương án tài chính không khả thi, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

e) Trường hợp khi đàm phán điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi có phát sinh thay đổi nội dung cơ chế tài chính trong nước, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến đối với nội dung vượt thẩm quyền.

g) Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án và đề xuất sử dụng vốn dư trong quá trình thực hiện chương trình, dự án, Cơ quan chủ quản thực hiện các thủ tục theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và gửi bộ hồ sơ dự án điều chỉnh cho Bộ Tài chính. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với

cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính trong nước điều chỉnh.

Điều 7. Cơ chế cho vay lại đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Đối tượng vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại trực tiếp từ Bộ Tài chính đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

b) Các chủ dự án đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ (hoặc một phần) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Điều kiện vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ chương trình, dự án:

a) Điều kiện vay lại bao gồm: thời hạn, lãi suất, phí, điều kiện trả nợ gốc, lãi và các điều kiện khác (nếu có) đối với chủ chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2010/NĐ-CP; đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trường hợp tổ chức tài chính - tín dụng chịu rủi ro tín dụng một phần hoặc toàn bộ, ngoài điều kiện vay lại theo quy định tại Nghị định số 78/2010/NĐ-CP, tổ chức tài chính - tín dụng được thu thêm khoản phí rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật về cho vay lại qua các tổ chức tài chính - tín dụng chịu rủi ro tín dụng.

3. Tỷ lệ cho vay lại đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tỷ lệ vay lại thực hiện theo quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ, tỷ lệ cho vay lại là 100% vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

c) Đối với các dự án có khả năng hoàn vốn một phần, tỷ lệ cho vay lại do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn của từng dự án.

4. Phương thức cho vay lại đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn:

a) Cho vay lại chủ dự án qua cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng.

b) Cho vay lại chủ dự án qua cơ quan cho vay lại chịu rủi ro tín dụng một phần hoặc toàn bộ khoản vay lại.

c) Cho các tổ chức tài chính - tín dụng vay lại theo chương trình, hạn mức tín dụng và các tổ chức tài chính - tín dụng chịu rủi ro tín dụng.

5. Xác định cơ quan cho vay lại:

a) Đối với các dự án có khả năng hoàn vốn toàn bộ

- Đối với chương trình, dự án áp dụng cho vay lại qua cơ quan cho vay lại chịu rủi ro tín dụng: việc xác định cơ quan cho vay lại và mức chịu rủi ro tín dụng thực hiện theo quy định của Nghị định số 78/2010/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

- Đối với chương trình, dự án áp dụng cho vay lại qua cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng: sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định về Đề xuất chương trình, dự án được phép triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, Bộ Tài chính xác định tổ chức tài chính để phối hợp với chủ dự án trong quá trình xây dựng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Tổ chức tài chính có trách nhiệm đánh giá phương án trả nợ vốn vay lại nêu tại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo Bộ Tài chính để có ý kiến về cơ chế cho vay lại đối với chương trình, dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

- Tổ chức tài chính, tín dụng vay lại trực tiếp từ Bộ Tài chính đối với chương trình, hạn mức tín dụng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và chịu toàn bộ rủi ro tín dụng.

b) Đối với các dự án có khả năng hoàn vốn một phần

- Bộ Tài chính đề xuất tỷ lệ cấp phát, cho vay lại theo quy định của pháp luật trên cơ sở khả năng hỗ trợ của ngân sách nhà nước và theo nguyên tắc phù hợp với khả năng hoàn vốn của dự án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về Đề xuất chương trình, dự án được phép triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Trên cơ sở ý kiến phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với Đề xuất chương trình, dự án, tổ chức tài chính được Bộ Tài chính ủy quyền phối hợp với chủ dự án trong quá trình xây dựng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Tổ chức tài chính có trách nhiệm đánh giá phương án trả nợ vốn vay lại nêu tại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư,

báo cáo Bộ Tài chính để có ý kiến về cơ chế cho vay lại đối với chương trình, dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Chương III

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 8. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch tài chính cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm cả nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại phải lập kế hoạch trung hạn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan. Sau khi kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ quản gửi Bộ Tài chính phần kế hoạch đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng để theo dõi.

2. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi được cấp thẩm quyền phê duyệt, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng để phục vụ cho việc theo dõi các khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi thuộc danh mục nợ công.

3. Trên cơ sở kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung, cơ quan chủ quản lập kế hoạch tài chính hàng năm của các chương trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tuân thủ quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo mức bố trí vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

4. Đối với các dự án chi đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi, kế hoạch vốn đối ứng hàng năm gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Đối với các dự án chi sự nghiệp được ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi, kế hoạch vốn đối ứng hàng năm vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 9. Quy trình lập kế hoạch tài chính năm

1. Đối với các chương trình, dự án thuộc đối tượng ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ hoặc một phần:

a) Hàng năm, cùng với việc lập dự toán ngân sách nhà nước, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, chủ chương trình, dự án xây dựng kế hoạch tài chính năm gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo ước thực hiện kế hoạch giải ngân, rút vốn năm hiện tại theo từng chương trình, dự án, từng điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, trong đó chia ra vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp, vốn vay lại.

- Kế hoạch giải ngân, rút vốn trong năm kế hoạch theo từng chương trình, dự án, từng điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, trong đó chia ra vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp, vốn vay lại.

Nội dung chi tiết kế hoạch tài chính năm thực hiện theo Phụ lục 01 kèm Thông tư này.

c) Căn cứ kế hoạch ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện giao kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với từng chương trình, dự án, từng hiệp định đã ký kết, trong đó:

- Vốn đối ứng được phân bổ.

- Vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho đầu tư phát triển.

- Vốn ODA, vốn vay ưu đãi chi cho sự nghiệp.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt, cơ quan chủ quản gửi Quyết định giao vốn hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho cơ quan tài chính các cấp và cơ quan kiểm soát chi.

Sau khi phân bổ kế hoạch vốn hàng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện nhập kế hoạch vốn vào TABMIS theo quy định tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

d) Trường hợp chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi dự kiến giải ngân vượt kế hoạch vốn hoặc chưa được bố trí kế hoạch vốn, các cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

đ) Đối với khoản vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch vay lại gửi Bộ Tài chính để tổng hợp dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi áp dụng vay lại một phần hoặc toàn bộ:

a) Đối với chương trình, dự án cho vay lại qua cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng:

- Các chủ chương trình, dự án lập kế hoạch giải ngân, rút vốn theo từng hợp đồng cho vay lại.

- Kế hoạch tài chính bao gồm các nội dung sau:

+ Dư nợ đầu kỳ;

+ Dự kiến giải ngân năm kế hoạch;

+ Dự kiến trả nợ trong năm kế hoạch, chi tiết theo gốc, lãi, phí.

- Chủ chương trình, dự án phê duyệt và gửi kế hoạch tài chính năm cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan cho vay lại.

b) Đối với chương trình, dự án cho vay lại qua cơ quan cho vay lại chịu một phần hoặc toàn bộ rủi ro tín dụng:

- Chủ chương trình, dự án phê duyệt và gửi kế hoạch tài chính hàng năm cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan cho vay lại theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Ngoài kế hoạch tài chính, các chủ chương trình, dự án có thể gửi các tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan cho vay lại.

- Các tổ chức tài chính - tín dụng lập kế hoạch tài chính gửi Bộ Tài chính. Nội dung kế hoạch bao gồm:

+ Dư nợ đầu kỳ;

+ Dự kiến giải ngân năm kế hoạch;

+ Dự kiến trả nợ trong năm kế hoạch, chi tiết theo gốc, lãi, phí.

Chương IV

KIỂM SOÁT CHI, THỦ TỤC RÚT VỐN VÀ QUẢN LÝ RÚT VỐN

Điều 10. Kiểm soát chi đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Mục đích kiểm soát chi

Kiểm soát chi nhằm đảm bảo chi tiêu của dự án phù hợp với điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và tuân thủ các quy định về quản lý tài chính trong nước hiện hành.

2. Nguyên tắc kiểm soát chi

a) Kiểm soát chi áp dụng đối với mọi hoạt động chi tiêu của dự án, kể cả các khoản chi theo phương thức thư tín dụng hoặc ủy quyền cho bên nước ngoài chi trực tiếp.

b) Việc rút vốn, chi tiêu và thanh toán của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được kiểm soát và thanh toán (sau đây gọi tắt là kiểm soát chi) theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước trong phạm vi kế hoạch vốn nước ngoài, vốn đối ứng hàng năm được duyệt, kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có) và kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc kế hoạch vốn đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ và dự án vay lại một phần theo tỷ lệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2016/TT-BTC) và Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC.

d) Đối với dự án hoặc các hoạt động thuộc dự toán chi sự nghiệp được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ hoặc cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ thực hiện theo Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 161/2012/TT-BTC), Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC.

đ) Đối với dự án hoặc các hoạt động chi giải phóng mặt bằng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (kể cả các dự án vay lại), việc kiểm soát chi thực hiện theo Thông tư số 107/2007/TT-BTC ngày 7 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 08/2016/TT-BTC.

e) Kiểm soát chi dự án cho vay lại

- Đối với hạn mức tín dụng: hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với các dự án/hợp phần cho vay lại theo hạn mức tín dụng, thực hiện theo quy định của các tổ chức tín dụng sử dụng vốn vay lại, phù hợp với quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết. Tổ chức tín dụng vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn và hợp lệ của các khoản cho vay tín dụng và các khoản chi tiêu phi tín dụng trong sao kê chi tiêu gửi Bộ Tài chính, khi lập và gửi bộ hồ sơ rút vốn ngoài nước.

- Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi dự án hoặc hợp phần cho vay lại khác: thực hiện tương tự như đối với các dự án hoặc dự án thành phần đầu tư phát triển sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát.

g) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ dự án, cơ quan kiểm soát chi căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán), hoặc dự toán được duyệt đối với trường hợp thanh toán không theo hợp đồng và giá trị từng lần thanh toán, để thực hiện kiểm soát chi và thanh toán cho chủ dự án. Chủ dự án tự chịu trách nhiệm về phương thức lựa chọn nhà thầu, tính chính xác, hợp pháp của khối lượng nghiệm thu thanh toán, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình và việc tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng. Cơ quan kiểm soát chi không chịu trách nhiệm về các vấn đề này.

h) Cơ quan kiểm soát chi có trách nhiệm kiểm soát chi hoặc từ chối xác nhận kiểm soát chi trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

3. Cơ quan kiểm soát chi

a) Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát; các dự án áp dụng cơ chế cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ.

b) Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính uỷ quyền cho vay lại thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế vay lại toàn bộ.

c) Tổ chức tài chính, tín dụng vay lại

Tổ chức tài chính, tín dụng vay lại theo các chương trình, hạn mức tín dụng và chịu rủi ro tín dụng có trách nhiệm kiểm soát chi khi cho vay lại đối với người vay vốn cuối cùng.

d) Đối với các chương trình, dự án khác chưa được xác định theo các điểm a, b và c khoản này, Bộ Tài chính xác định cơ quan kiểm soát chi phù hợp, đảm bảo nguyên tắc không có hai cơ quan kiểm soát chi cùng kiểm soát một hoạt động chi tiêu của dự án.

4. Hình thức kiểm soát chi

a) Kiểm soát chi trước là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi trước khi chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Các khoản chi phải kiểm soát chi trước bao gồm:

- Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp đối với các dự án hoặc dự án thành phần thuộc diện được cấp phát.

- Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp đối với các hợp đồng thanh toán một lần hoặc đợt thanh toán lần cuối của hợp đồng đối với hợp đồng thanh toán nhiều lần của các dự án vay lại.

- Chuyển tiền từ tài khoản tạm ứng (sau đây viết tắt là TKTƯ) sang tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí kiểm toán độc lập sau khi đóng TKTƯ.

- Chi từ tài khoản cấp hai đối với dự án có hai cấp TKTƯ, trừ các khoản chi hoạt động quản lý dự án thuộc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khoản thanh toán một lần duy nhất cho Thư tín dụng hoặc theo hình thức ủy quyền cho nước ngoài chi trực tiếp.

b) Kiểm soát chi sau là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi sau khi chủ dự án đã rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Kiểm soát chi sau áp dụng với các trường hợp sau:

- Các khoản thanh toán nguồn vốn JICA.

- Các khoản thanh toán nhiều lần theo phương thức thư tín dụng hoặc ủy quyền cho bên nước ngoài chi trực tiếp.

- Các khoản chi không quy định tại điểm a khoản này.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày rút vốn thanh toán, chủ dự án phải hoàn tất hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát chi xác nhận để làm cơ sở thực hiện lần thanh toán kế tiếp.

Trường hợp thấy cần thiết, chủ dự án có quyền thỏa thuận với nhà thầu áp dụng hình thức kiểm soát chi trước đối với các khoản chi nêu trên và gửi cơ quan kiểm soát chi để phối hợp thực hiện.

5. Hồ sơ kiểm soát chi

Ngoài hồ sơ pháp lý gửi một lần theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC, Thông tư số 161/2012/TT-BTC, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền gửi các tài liệu sau đây cho cơ quan kiểm soát chi để làm căn cứ kiểm soát chi nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho mỗi chương trình, dự án:

a) Thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án) và sổ tay quản lý dự án (nếu có).

b) Đối với hợp đồng giữa chủ dự án với nhà thầu và các tài liệu kèm theo chỉ ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt phần các quy định về thanh toán của hợp đồng, có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt.

c) Các thỏa thuận, thư hoặc văn bản "ý kiến không phản đối" (no objection) của nhà tài trợ; thỏa thuận với nhà thầu về thực hiện dự án (danh mục chi phí hợp lệ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng theo quy định cụ thể của hợp đồng). Trường hợp ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt.

d) Đề nghị mở tài khoản dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để hạch toán giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Chủ dự án chỉ gửi một lần bản chính hoặc bản sao có đóng dấu của chủ dự án các tài liệu trên. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bản sao cung cấp cho Bộ Tài chính.

6. Thời hạn xác nhận hồ sơ tạm ứng, thanh toán

a) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ được xác nhận hồ sơ đề nghị tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ dự án gửi hồ sơ chứng từ đến cơ quan kiểm soát chi trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

b) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ được xác nhận hồ sơ đề nghị thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng). Chủ dự án gửi hồ sơ chứng từ đến cơ quan kiểm soát chi trước ngày 27 tháng 01 năm sau.

7. Nội dung đặc thù đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

a) Mức vốn tạm ứng hợp đồng, việc thu hồi tạm ứng, tỷ lệ giữ lại chờ bảo hành thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa chủ dự án và nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng (chủ dự án được quyền thỏa thuận với nhà thầu bảo lãnh tạm ứng đối với hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng). Chủ dự án có trách nhiệm quản lý và thu hồi vốn đã tạm ứng cho nhà thầu; trường hợp không thu hồi được thì chủ dự án có trách nhiệm tự bố trí nguồn hoàn trả nhà tài trợ.

b) Cơ quan kiểm soát chi chấp nhận hồ sơ Chứng chỉ thanh toán tạm thời ký giữa chủ dự án và nhà thầu theo quy định hợp đồng thay thế cho Bảng xác định

giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán tại Phụ lục 3a và Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán tại Phụ lục 04 kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC.

c) Đối với mỗi lần đề nghị xác nhận số tiền bảo hành công trình để chuyển nhà thầu, chủ dự án lập biểu theo dõi tiến độ chuyển tiền bảo hành và lũy kế số tiền đã chuyển, gửi cơ quan kiểm soát chi để đối chiếu và xác nhận số tiền bảo hành theo quy định hợp đồng để chủ dự án chuyển trả nhà thầu.

d) Trường hợp một Ban quản lý dự án được giao quản lý, thực hiện nhiều dự án vốn ODA, vốn vay ưu đãi, việc phân bổ chi phí các hoạt động chung cho các dự án thành phần hoặc tiểu dự án được thực hiện định kỳ 6 tháng, cả năm theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí liên quan trực tiếp được phân bổ đến dự án thành phần hoặc tiểu dự án tương ứng.

- Phần chi phí còn lại được phân bổ tương ứng với tỷ lệ giữa tổng mức đầu tư của dự án thành phần hoặc tiểu dự án và tổng mức đầu tư của dự án.

- Giá trị phân bổ chi phí các hoạt động chung hàng năm của dự án được tổng hợp vào giá trị quyết toán vốn đầu tư của từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án khi quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 11. Các hình thức rút vốn

Các hình thức rút vốn vay ODA, vay ưu đãi được nhà tài trợ quy định cụ thể, bao gồm:

1. Phương thức hỗ trợ ngân sách

Vốn ODA, vốn vay ưu đãi được giải ngân về ngân sách nhà nước đối với các chương trình hỗ trợ ngân sách trực tiếp hoặc phương thức tài trợ dựa trên kết quả.

2. Tài trợ theo chương trình, dự án

Phương thức tài trợ theo chương trình, dự án áp dụng một hoặc một số các hình thức rút vốn sau đây:

a) Thanh toán trực tiếp và thanh toán chuyển tiền

- Thanh toán trực tiếp: là hình thức mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ đồng ý chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp của dự án.

- Thanh toán chuyển tiền: là hình thức thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán hoàn vốn nêu ở điểm c khoản này bằng Đồng Việt Nam.

b) Thanh toán theo thư cam kết: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ phát hành một thư cam kết sẽ trả lại tiền cho ngân hàng thương mại đối với khoản thanh toán đã thực hiện cho nhà thầu, nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng (L/C) qua hệ thống ngân hàng thương mại (ngân hàng cho vay, ngân hàng phục vụ).

c) Hoàn vốn hoặc Hồi tố: là hình thức mà nhà tài trợ thanh toán tiền từ tài khoản vốn vay vào tài khoản do Bên vay chỉ định, để hoàn lại các khoản chi hợp lệ do chủ dự án đã chi cho dự án. Các khoản chi hợp lệ có thể phát sinh trước (hồi tố) hoặc các khoản chi hợp lệ phát sinh sau (hoàn vốn) khi ký điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và phải tuân thủ các quy định cụ thể trong các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận đó.

d) Tài khoản tạm ứng

Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ tạm ứng trước một khoản tiền theo đề nghị của Bên vay, vào một tài khoản mở riêng cho dự án tại ngân hàng phục vụ để Bên vay chủ động trong việc thanh toán cho các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay. Việc chi tiêu và thanh toán từ tài khoản tạm ứng được Bộ Tài chính và nhà tài trợ kiểm soát chặt chẽ.

Điều 12. Trình tự và thủ tục rút vốn theo phương thức hỗ trợ ngân sách

1. Đối với chương trình kèm theo khung chính sách:

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan để thực hiện các cam kết về phần mình theo thoả thuận với nhà tài trợ, để thoả mãn điều kiện tiên quyết về rút vốn nêu trong các điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết.

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của nhà tài trợ. Thời gian xử lý đơn rút vốn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

c) Đối với phương thức hỗ trợ ngân sách chung, Bộ Tài chính xử lý các hồ sơ và đơn rút vốn gửi nhà tài trợ; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với các điều ước quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan rút vốn và đề xuất đàm phán theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP) trong việc giải ngân và chuyển các khoản rút vốn về ngân sách nhà nước để sử dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

d) Trường hợp khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức hỗ trợ ngân sách cho một ngành, lĩnh vực cụ thể:

- Cơ quan chủ quản chương trình, dự án có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước (đối với các điều ước quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đề xuất đàm phán theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP) về thời điểm rút vốn, số tiền rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc lập kế hoạch phân bổ cho các dự án thành phần.

- Vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân về ngân sách được phân bổ cho các dự án thành phần để sử dụng theo đúng quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đối với các chương trình, dự án tài trợ dựa trên kết quả:

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chỉ số giải ngân liên quan theo thoả thuận với nhà tài trợ để làm cơ sở rút vốn. Chủ dự án được tiếp nhận vốn tạm ứng theo quy định của nhà tài trợ để thực hiện các công việc đã thỏa thuận nhằm đạt được cam kết gắn với chỉ số giải ngân.

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo, tài liệu hoặc cung cấp tài liệu chứng minh việc hoàn thành các tiêu chí giải ngân quy định tại thỏa thuận tài trợ để gửi nhà tài trợ. Chủ dự án lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của nhà tài trợ. Thời gian xử lý đơn rút vốn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

c) Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân được chuyển về tài khoản của đơn vị thực hiện chương trình, dự án mở tại Kho bạc nhà nước theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Việc chi tiêu tuân thủ quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 13. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với các khoản ODA, vay ưu đãi theo phương thức tài trợ dự án

1. Sau khi nhà tài trợ thông báo các điều kiện tiên quyết để rút vốn theo quy định tại các điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi đã hoàn thành, chủ dự án hoặc ban quản lý dự án lập bộ hồ sơ đề nghị rút vốn gửi Bộ Tài chính.

2. Bộ hồ sơ đề nghị rút vốn được lập theo mẫu của nhà tài trợ và theo từng phương thức rút vốn nêu tại Điều 14 Thông tư này.

3. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ bộ hồ sơ rút vốn hợp pháp, hợp lệ, Bộ Tài chính ký đơn rút vốn gửi nhà tài trợ.

4. Trong trường hợp nhà tài trợ yêu cầu các tài liệu bổ sung, hoặc chỉ chấp thuận một phần đơn rút vốn, Bộ Tài chính hoặc nhà tài trợ thông báo cho chủ dự án để phối hợp xử lý kịp thời các yêu cầu hợp lý của nhà tài trợ.

Điều 14. Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính

Chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền gửi bộ hồ sơ pháp lý gửi một lần nêu tại khoản 5 (trừ điểm d) Điều 10 Thông tư này. Đối với mỗi đợt rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi cho Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn, được quy định cụ thể phù hợp với từng hình thức rút vốn như sau:

1. Hình thức thanh toán trực tiếp

a) Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn, các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của nhà tài trợ;

b) Hoá đơn hoặc đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp;

c) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính);

d) Ngoài các tài liệu nêu trên, đối với khoản chi tạm ứng, chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại, giá trị bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng, thời gian bảo lãnh tạm ứng cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng.

đ) Trường hợp thực hiện kiểm soát chi sau, chủ dự án cần lưu ý xử lý việc rút vốn theo từng giai đoạn thanh toán như sau:

- Trong giai đoạn thanh toán giữa kỳ, nếu giá trị Giấy xác nhận thanh toán của cơ quan kiểm soát chi có chênh lệch với số chi thực tế đã thanh toán ở kỳ trước, chủ dự án chịu trách nhiệm điều chỉnh số chênh lệch này vào giá trị thanh toán của kỳ kế tiếp.

- Thanh toán kỳ cuối: Chủ dự án gửi Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi đối với kỳ thanh toán trước đó và của kỳ thanh toán cuối cùng để đảm bảo toàn bộ khối lượng thanh toán của Hợp đồng dự án đã được kiểm soát chi.

2. Hình thức rút vốn theo Thư cam kết.

a) Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị nhà tài trợ phát hành thư cam kết, trong đó báo cáo rõ số vốn đã giải ngân theo kế hoạch tài chính năm và phần kế hoạch năm chưa giải ngân tối thiểu bằng giá trị thư cam kết.

- Bản sao hợp đồng ký kết phù hợp với quy định; hợp đồng cần có điều khoản quy định một trong các điều kiện hoặc chứng từ thanh toán từng lần theo L/C là phải có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi về tính hợp lệ của khoản thanh toán lần trước đó.

- Bộ hồ sơ phát hành thư cam kết theo mẫu của nhà tài trợ và bản sao L/C đã mở.

b) Thủ tục thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết: Nếu hợp đồng thương mại có điều khoản thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết, chủ dự án gửi Bộ Tài chính hồ sơ nêu tại điểm a khoản này để xem xét có ý kiến về việc mở L/C gửi Ban quản lý dự án và ngân hàng phục vụ, đồng thời gửi Thư thông báo uỷ quyền thanh toán không huỷ ngang cho ngân hàng được uỷ quyền của nhà tài trợ để thanh toán theo L/C.

Việc thanh toán cho thư tín dụng có hoặc không có thư cam kết áp dụng chế độ kiểm soát chi sau. Ngoài các hóa đơn, chứng từ theo quy định về thanh toán L/C theo thông lệ quốc tế, bộ hồ sơ thanh toán gửi ngân hàng thanh toán L/C bao gồm cả Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (trường hợp ngân hàng thanh toán L/C là ngân hàng nước ngoài, chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bản dịch có xác nhận của chủ dự án đối với Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi). Mỗi lần thanh toán, chủ dự án cung cấp Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi của lần thanh toán trước đó.

3. Hình thức rút vốn Hoàn vốn hoặc Hồi tố

Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị rút vốn, Đơn rút vốn và sao kê theo mẫu của nhà tài trợ;

Đơn rút vốn phải ghi rõ tên và số tài khoản của từng đơn vị đã ứng vốn. Đối với các khoản do ngân sách nhà nước ứng trước (vốn chuẩn bị dự án, vốn ứng trước để thực hiện dự án), phải nêu rõ tên và số tài khoản của cấp ngân sách nơi ứng vốn.

- Chứng từ chuyển tiền chứng minh khoản kinh phí đã được chủ dự án thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng hoặc Bảng đối chiếu xác nhận công nợ giữa chủ dự án với nhà thầu, người thụ hưởng;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của Cơ quan kiểm soát chi (bản chính).

Trong trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của nhà tài trợ, Bộ Tài chính có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.

4. Tài khoản tạm ứng

a) Nguyên tắc chi tiêu TKTƯ

Đồng tiền của TKTƯ và tài khoản cấp 2 (nếu có tài khoản cấp 2) là ngoại tệ vay nước ngoài. Việc tạm ứng về tài khoản cấp 2 bằng đồng Việt Nam (VNĐ) phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Việc chi tiêu từ các TKTƯ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và các quy định của nhà tài trợ.

b) Rút vốn lần đầu về TKTƯ

Việc rút vốn lần đầu về TKTƯ được thực hiện căn cứ trên hạn mức (hoặc mức tối đa) của TKTƯ quy định trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết. Việc rút vốn về tài khoản cấp hai phải thực hiện qua TKTƯ.

Để thực hiện rút vốn lần đầu, chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau để xem xét và ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ:

- Công văn đề nghị rút vốn;

- Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu của Nhà tài trợ;

- Kế hoạch chi tiêu chi tiết cho giai đoạn 3 tháng tới.

c) Chi từ TKTƯ do Bộ Tài chính là chủ tài khoản

Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị thanh toán vốn của chủ chương trình, dự án;

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp, người thụ hưởng;

- Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính) đối với mỗi đợt thanh toán (hình thức kiểm soát chi trước) hoặc bảng kê các khoản thanh toán được cơ quan kiểm soát chi xác nhận (bản chính). Trường hợp thanh toán tạm ứng cần cung cấp các chứng từ bảo lãnh ngân hàng đối với khoản tạm ứng theo quy định.

d) Rút vốn bổ sung TKTƯ

Để rút vốn bổ sung TKTƯ, chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:

- Công văn đề nghị rút vốn bổ sung TKTƯ;

- Kế hoạch chi tiêu từ TKTƯ chi tiết cho giai đoạn 3 tháng tới;

- Đơn rút vốn, các sao kê và chứng từ chi tiêu theo quy định của nhà tài trợ;

- Bảng kê hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo mẫu tại Phụ lục 02-A hoặc Phụ lục 02-B kèm theo Thông tư này; đối với dự án do cơ quan cho vay lại kiểm soát chi lập Báo cáo sao kê rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm Thông tư này;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính) hoặc bảng kê tổng hợp các khoản thanh toán hợp lệ có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính);

- Sao kê TKTƯ của ngân hàng phục vụ, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ; nếu có tài khoản cấp 2 thì gửi kèm sao kê.

Bộ Tài chính xem xét ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ để chuyển tiền bổ sung vào TKTƯ.

5. Khi gửi hồ sơ cho Bộ Tài chính theo từng hình thức rút vốn quy định tại khoản 1 đến khoản 4 Điều này, chủ dự án gửi kèm các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi có xác nhận của Kho bạc chà nước nơi giao dịch và Bảng kê hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi (theo mẫu tại Phụ lục số 02, 02-A, 02-B kèm theo Thông tư này) đối với các khoản chi đã giải ngân. Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi có xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch và các bảng kê là cơ sở để Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt đơn rút vốn.

- Báo cáo sao kê số liệu rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này để Bộ Tài chính tiến hành thủ tục hạch toán ngân sách nhà nước đối với các dự án cho vay lại.

- Trình bày rõ lũy kế phần kế hoạch năm nguồn vốn nước ngoài đã thực hiện giải ngân và phần kế hoạch còn được sử dụng.

- Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, đối với các khoản chi đến ngày 31/12 năm trước gửi Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 31/01 năm sau.

Chương V

HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 15. Nguyên tắc hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi được cấp phát từ ngân sách nhà nước phải được hạch toán đầy đủ, chính xác vào ngân sách nhà nước.

Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ hoặc một phần được kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước, việc hạch toán ngân sách nhà nước phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo cơ chế cấp phát do Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện.

Đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi vay về cho vay lại do Bộ Tài chính thực hiện hạch toán qua Kho bạc nhà nước.

2. Hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở chứng từ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng do nhà tài trợ thông báo. Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước có xác nhận của Kho bạc nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư này là một trong các cơ sở để Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt đơn rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá quy đổi

a) Các khoản tiền nhà tài trợ trực tiếp giải ngân bằng ngoại tệ cho nhà thầu, nhà cung cấp khi hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ) áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước tại thời điểm thanh toán. Đối với các khoản thanh toán trực tiếp bằng VNĐ, áp dụng tỷ giá thanh toán thực tế của nhà tài trợ giữa đồng tiền nhận nợ và đồng tiền thanh toán.

b) Trường hợp dự án thực hiện rút vốn bằng ngoại tệ về TKTƯ:

- Các khoản chi từ TKTƯ áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ tại thời điểm thanh toán.

- Đối với các khoản tạm ứng bằng VNĐ cho tài khoản cấp hai đã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này, chủ tài khoản cấp hai hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng phục vụ vào thời điểm cấp tạm ứng và thực hiện chi tiêu, hạch toán vốn các lần tạm ứng theo nguyên tắc nhập trước - xuất trước.

4. Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo số liệu chính xác, kịp thời theo tiến độ giải ngân để phục vụ hạch toán ghi thu ghi chi. Chương trình, dự án chỉ được quyết toán năm và quyết toán dự án hoàn thành sau khi các khoản chi từ vốn ODA và vốn vay ưu đãi đã được ghi thu ghi chi theo quy định. Người vay lại nhận nợ theo tiến độ giải ngân, không phụ thuộc vào tiến độ hạch toán của Bộ Tài chính.

Chênh lệch tỷ giá khi hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước với số liệu kế toán của đơn vị được xử lý theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 16. Hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước

1. Đối với phương thức rút vốn bằng tiền hỗ trợ ngân sách:

Căn cứ vào chứng từ nhận tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng phục vụ, Kho bạc nhà nước hạch toán thu vốn ODA viện trợ không hoàn lại, hạch toán vay của ngân sách nhà nước vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định; trường hợp chuyển ngoại tệ vào Quỹ ngoại tệ tập trung thì Kho bạc nhà nước hạch toán theo quy định đối với các khoản thu hoặc khoản vay của ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ.

2. Đối với phương thức tài trợ dự án

a) Hạch toán, ghi thu ghi chi tại Kho bạc nhà nước:

- Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi được nhà tài trợ (hoặc Bộ Tài chính) thông báo phê duyệt đơn rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập 3 liên Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 02 Thông tư này kèm Thông báo chuyển tiền của nhà tài trợ cho người thụ hưởng gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để được xác nhận hạch toán.

- Đối với chương trình, dự án ô, trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi được nhà tài trợ (hoặc Bộ Tài chính) thông báo phê duyệt đơn rút vốn, cơ quan chủ dự án ô tại cấp trung ương thông báo cho chủ dự án thành phần kèm chứng từ giải ngân để làm cơ sở lập Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với các khoản chi liên quan theo quy định tại điểm a khoản này.

- Đối với các khoản chi từ tài khoản tạm ứng hoặc tài khoản cấp hai, trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi giải ngân cho người thụ hưởng, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền làm thủ tục kiểm soát chi (trường hợp kiểm soát chi sau) và lập 3 liên Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo mẫu tại Phụ lục 02 Thông tư này kèm Bảng sao kê chứng từ chuyển tiền của ngân hàng phục vụ nơi chủ dự án mở tài khoản tạm ứng hoặc chứng từ thể hiện ngân hàng thương mại đã chuyển tiền cho người thụ hưởng (bản sao) gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để được kiểm soát chi (trường hợp kiểm soát chi sau) và xác nhận hạch toán. Trường hợp nhà tài trợ không chấp thuận khoản chi là hợp lệ hoặc chỉ chấp thuận một phần, chủ dự án báo cáo bằng văn bản cho Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kịp thời điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước.

- Khoản lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa theo thỏa thuận với nhà tài trợ được hạch toán như sau:

+ Trường hợp chương trình, dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế cho vay lại, Bộ Tài chính làm thủ tục hạch toán cho vay lại và thông báo số tiền và thời điểm gốc hóa cho người vay lại để nhận nợ.

+ Trường hợp chương trình, dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế cấp phát, Bộ Tài chính ghi vay của ngân sách trung ương số tiền được gốc hóa.

- Trong vòng 3 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các thông tin và ký Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi, gửi lại đơn vị hai bản chính để lưu và gửi Bộ Tài chính phục vụ rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Đối với phần vốn thuộc cơ chế cấp phát, Kho bạc nhà nước lập lệnh hạch toán thu vốn ODA viện trợ không hoàn lại, ghi vay của ngân sách nhà nước vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cấp phát vốn đầu tư xây dựng, vốn chi sự nghiệp cho các Bộ, cơ quan trung ương; ghi chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời ghi thu ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, ghi chi cho dự án theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Chậm nhất vào ngày 05 của tháng kế tiếp, Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số liệu vốn ODA, vay ưu đãi đã xác nhận kiểm soát chi trên địa bàn trong tháng trước, báo cáo Kho bạc Nhà nước, đồng gửi Sở Tài chính (đối với phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để theo dõi, quản lý đối với phần vốn cấp phát và vốn vay lại.

- Chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý kế tiếp, Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số liệu vốn ODA, vay ưu đãi đã xác nhận hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước trên địa bàn trong quý trước báo cáo Kho bạc nhà nước, đồng gửi Sở Tài chính (đối với phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để theo dõi, quản lý đối với phần vốn cấp phát và vốn vay lại.

- Kết thúc niên độ ngân sách nhà nước, Kho bạc nhà nước tổng hợp số liệu vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính để phục vụ công tác quyết toán niên độ ngân sách nhà nước hàng năm.

Các thủ tục cụ thể hạch toán ngân sách nhà nước trong hệ thống Kho bạc nhà nước và chế độ báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Kho bạc nhà nước.

b) Hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại Bộ Tài chính

- Đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ được Bộ Tài chính ủy quyền cho tổ chức tài chính, tín dụng là cơ quan cho vay lại để cho vay lại các chương trình, dự án đầu tư: căn cứ thông báo giải ngân của nhà tài trợ, báo cáo

sao kê giải ngân của chủ dự án, Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách trung ương vốn ODA viện trợ không hoàn lại hoặc ghi vay của Chính phủ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho vay lại đối với cơ quan cho vay lại.

- Đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi Bộ Tài chính cho vay lại trực tiếp (kể cả người vay lại là UBND cấp tỉnh), Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách trung ương vốn ODA viện trợ không hoàn lại hoặc ghi vay của Chính phủ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho cơ quan cho vay lại là Bộ Tài chính.

- Đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi Bộ Tài chính cho vay lại UBND cấp tỉnh, căn cứ Lệnh chi cho vay lại của Bộ Tài chính đối với UBND cấp tỉnh, Sở Tài chính tỉnh ghi vay của ngân sách cấp tỉnh và ghi chi cho dự án theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Chậm nhất đến ngày 15/02 năm sau, chủ dự án đối chiếu số liệu đã xác nhận kiểm soát chi và số hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước trong năm ngân sách với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, cơ quan kiểm soát chi và Bộ Tài chính. Khi kết thúc giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án gửi báo cáo tổng hợp số liệu giải ngân toàn dự án và hạch toán ngân sách nhà nước cho Kho bạc nhà nước, Cơ quan kiểm soát chi, cơ quan chủ quản và Bộ Tài chính để phục vụ quyết toán dự án.

Đối với số liệu vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại, kết thúc niên độ ngân sách, căn cứ số liệu rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ đã được hạch toán qua Kho bạc nhà nước, các cơ quan cho vay lại và người vay lại trực tiếp (bao gồm UBND cấp tỉnh) thực hiện đối chiếu với Bộ Tài chính số liệu rút vốn, trả nợ gốc, lãi, phí (kể cả lãi phạt, nếu có) và số dư nợ cuối kỳ.

d) Vốn ODA, vốn vay ưu đãi được xác nhận kiểm soát chi trong niên độ ngân sách năm trước và rút vốn trước 31 tháng 01 năm sau thì được hạch toán trong niên độ ngân sách năm trước; giải ngân trong niên độ ngân sách năm sau thì hạch toán vào năm sau.

Điều 17. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhà nước

1. Việc điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhằm xử lý chênh lệch giữa số liệu ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước với thực tế số liệu rút vốn và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi chỉ được thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Vốn đã rút nhưng không sử dụng hết hoặc chi sai mục đích phải trả lại nhà tài trợ theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết;

b) Chuyển đổi chủ dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thay đổi về cơ chế tài chính trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Điều chỉnh các sai sót hoặc nhầm lẫn khác trong quá trình hạch toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào đối chiếu số liệu giữa Kho bạc nhà nước các cấp với chủ dự án, giữa Bộ Tài chính với các cơ quan cho vay lại.

2. Quy trình và thủ tục điều chỉnh

a) Việc điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Kho bạc nhà nước.

b) Đối với các dự án do Bộ Tài chính thực hiện hạch toán ngân sách nhà nước, căn cứ văn bản đề nghị của đơn vị, Bộ Tài chính lập Phiếu điều chỉnh và thông báo cho Kho bạc nhà nước. Căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách, Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách và gửi các liên Phiếu điều chỉnh số liệu cho cơ quan cho vay lại và chủ dự án để điều chỉnh các số liệu hạch toán tương ứng trên các báo cáo kế toán và quyết toán vốn nước ngoài.

Chương VI

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN, BÁO CÁO, KIỂM TRA

Điều 18. Kế toán đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Nguyên tắc kế toán

Ban quản lý dự án và các đơn vị sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải đảm bảo:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

b) Tuân thủ các quy định về kế toán của nhà tài trợ được quy định trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết hoặc trong văn kiện dự án (nếu có).

2. Tổ chức bộ máy kế toán

Tùy thuộc quy mô của dự án, hình thức quản lý dự án để tổ chức bộ máy kế toán phù hợp.

a) Trường hợp dự án không thành lập Ban quản lý dự án hoặc có thành lập Ban quản lý dự án trực thuộc không có tư cách pháp nhân độc lập, không có con

dấu riêng: Chủ dự án được sử dụng bộ máy kế toán và hạch toán chung trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị, kế toán đơn vị đồng thời là kế toán dự án để thực hiện các công việc kế toán của dự án, nhưng phải hạch toán tách bạch tài khoản, nguồn vốn và các khoản thu, chi của dự án.

b) Trường hợp dự án có thành lập Ban quản lý dự án có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng: Ban quản lý dự án quyết định thành lập Phòng hoặc Bộ phận kế toán riêng và thực hiện bổ nhiệm kế toán trưởng (hoặc thuê kế toán trưởng) hoặc phụ trách kế toán theo quy định hiện hành.

3. Chế độ kế toán áp dụng

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: áp dụng chế độ kế toán mà đơn vị thực hiện dự án đang áp dụng.

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: căn cứ vào tính chất sử dụng vốn, hình thức quản lý dự án, loại hình đơn vị sử dụng vốn để áp dụng chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư; đối với đơn vị hành chính sự nghiệp áp dụng hướng dẫn tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC.

Điều 19. Kiểm toán báo cáo tài chính của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Báo cáo tài chính năm của chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định tại khoản 4 Điều này và theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã có trong thông báo kế hoạch kiểm toán hàng năm của cơ quan Kiểm toán Nhà nước và được nhà tài trợ chấp thuận thì báo cáo tài chính năm đó không bắt buộc phải kiểm toán độc lập.

2. Việc kiểm toán báo cáo tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành trừ trường hợp các điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi có quy định khác.

3. Các doanh nghiệp kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán dự án là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp nhà tài trợ có quy định, có thể yêu cầu thuê kiểm toán báo cáo tài chính đối với từng hạng mục công trình, công trình, công việc đã hoàn thành.

5. Chủ dự án có trách nhiệm gửi Báo cáo kiểm toán do đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện đối với báo cáo tài chính hàng năm của dự án cho cơ quan chủ quản và Kiểm toán Nhà nước cùng thời điểm gửi nhà tài trợ theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết.

Điều 20. Quyết toán chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Quyết toán năm

a) Các dự án vốn sự nghiệp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

b) Các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

2. Quyết toán kết thúc dự án

a) Trong vòng 6 tháng, kể từ ngày kết thúc dự án, các dự án sử dụng vốn có tính chất thường xuyên lập báo cáo quyết toán kết thúc dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn ODA (viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi), vốn đối ứng, trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các báo cáo quyết toán hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

b) Các dự án đầu tư có sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán dự án theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

c) Đối với các dự án chấm dứt hoạt động hoặc có quyết định giải thể, sát nhập trong năm ngân sách, giám đốc dự án và người phụ trách kế toán phải chịu trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những sai phạm (nếu có) trong thời gian thực hiện nhiệm vụ trên.

d) Đối với chương trình, dự án ô gồm nhiều dự án thành phần độc lập, chủ dự án làm thủ tục trình duyệt quyết toán dự án thành phần theo quy định và gửi kết quả cho cơ quan chủ quản chương trình, dự án ô để tổng hợp báo cáo quyết toán của toàn chương trình.

Điều 21. Báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước

1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý, chủ dự án lập báo cáo gửi cơ quan chủ quản, đồng gửi cơ quan tài chính đồng cấp về tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong quý kèm các Giấy hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước được Kho bạc nhà nước nơi giao dịch xác nhận.

2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án gửi Báo cáo kết thúc rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo Phụ lục số 06 của Thông tư này cho Bộ Tài chính để làm cơ sở quyết toán dự án.

3. Chủ dự án lập và gửi các báo cáo tài chính cho nhà tài trợ theo quy định tại văn kiện dự án, điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, đồng gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan Tài chính đồng cấp để theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác quản lý tài chính đối với dự án.

4. Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý, chủ dự án gửi Bộ Tài chính Báo cáo quý về tình hình thực hiện kế hoạch vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo Phụ lục 04 kèm Thông tư này. Báo cáo gửi bằng văn bản hoặc theo phương thức khác do Bộ Tài chính hướng dẫn.

5. Định kỳ 6 tháng và cả năm, trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo, để phục vụ đối chiếu số liệu hạch toán và thực tế giải ngân, cơ quan chủ quản có trách nhiệm lập, tổng hợp và cung cấp cho Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo Phụ lục số 05 kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Kiểm tra

Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tài chính các cấp có thể độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi về việc chấp hành các quy định quản lý tài chính được quy định tại Thông tư này.

Chương VII
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 23. Lựa chọn ngân hàng phục vụ

1. Ngân hàng phục vụ là một ngân hàng thương mại được lựa chọn trong danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn thực hiện việc giao dịch đối ngoại, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho dự án nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn do Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam xác định và công bố trước ngày 31/12 hàng năm để áp dụng cho năm sau. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa công bố danh sách mới thì tiếp tục áp dụng danh sách đã công bố năm trước.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn ngân hàng phục vụ đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP. Bộ Tài chính lựa chọn ngân hàng phục vụ đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP. Việc lựa chọn ngân hàng phục vụ tiến hành sau khi điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết.

Điều 24. Mở tài khoản thanh toán cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại hệ thống Kho bạc nhà nước

1. Tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi

a) Các khoản vay của ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán theo dõi trên tài khoản của từng cấp ngân sách. Kho bạc nhà nước được ưu tiên làm cơ quan phục vụ thanh toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho các dự án cấp phát toàn bộ hoặc cấp phát một phần, cho vay lại một phần theo tỷ lệ.

b) Theo thoả thuận bằng văn bản với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại hệ thống Kho bạc nhà nước để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án.

2. Tài khoản vốn đối ứng: chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.

3. Kho bạc nhà nước tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và định kỳ hàng tháng gửi chủ tài khoản sao kê các tài khoản, chi tiết số tiền, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ.

Điều 25. Mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ

1. Trường hợp điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết quy định giải ngân trực tiếp đến chương trình, dự án hoặc đối với dự án, hợp phần dự án vay lại toàn bộ, chủ dự án hoặc Bộ Tài chính mở tài khoản giao dịch (tài khoản tạm ứng) tại ngân hàng phục vụ phù hợp với yêu cầu thanh toán của dự án.

Các dự án có nhiều nguồn tài trợ khác nhau phải mở các tài khoản riêng để theo dõi từng nguồn vốn rút về.

2. Trường hợp dự án có nhiều cấp quản lý, theo thoả thuận với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản tạm ứng cấp hai tại chi nhánh ngân hàng phục vụ. Đồng tiền của tài khoản là đồng ngoại tệ vay nước ngoài (trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận mở tài khoản bằng VNĐ).

3. Trách nhiệm của Ngân hàng phục vụ

a) Ngân hàng phục vụ, theo đề nghị của chủ dự án là chủ tài khoản, mở các tài khoản liên quan của dự án và thực hiện các giao dịch thanh toán, rút vốn và các nghiệp vụ khác theo quy định hiện hành.

b) Ngân hàng phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp cho dự án đầy đủ các thông tin để thực hiện các giao dịch thanh toán trong và ngoài nước qua hệ thống ngân hàng.

c) Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa ngân hàng phục vụ và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, ngân hàng phục vụ có trách nhiệm gửi báo cáo sao kê tài khoản tạm ứng cho chủ tài khoản, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ.

d) Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa ngân hàng phục vụ và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, ngân hàng phục vụ thông báo cho chủ tài khoản số lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng của dự án (nếu có); số phí dịch vụ do ngân hàng phục vụ thu; số chênh lệch giữa lãi và phí; số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

đ) Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo có số tiền giải ngân từ nhà tài trợ, ngân hàng phục vụ thực hiện ghi có vào tài khoản của dự án và thông báo cho chủ tài khoản biết.

4. Quản lý lãi tài khoản tạm ứng

a) Lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng phải được hạch toán theo dõi riêng và được sử dụng để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng của ngân hàng phục vụ. Phí dịch vụ do ngân hàng phục vụ thu là khoản chi thuộc dự án. Trường hợp số lãi phát sinh không đủ để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng, chủ dự án lập dự toán và bố trí vốn đối ứng để chi trả.

b) Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản tạm ứng, đối với các dự án do ngân sách cấp phát toàn bộ, chủ dự án nộp số dư lãi phát sinh trên các tài khoản này vào ngân sách nhà nước. Đối với các dự án vay lại toàn bộ, số dư lãi phát sinh là nguồn thu của chủ dự án. Đối với các dự án vay lại theo tỷ lệ, số dư lãi phát sinh được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng.

Điều 26. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản

1. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật, các điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi, quy định pháp luật liên quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chính sách thuế áp dụng đối với chương trình, dự án của khu vực kinh tế tư nhân sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ: theo đề nghị của chủ dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án có mục tiêu hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân, tổ chức tài chính, tín dụng cho vay lại chương trình, hạn mức tín dụng cho khu vực kinh tế tư nhân, hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có trách nhiệm xác nhận hình thức cung cấp vốn ODA và vốn vay ưu đãi đối với từng chương trình, dự án cụ thể cho cơ quan thuế để áp dụng các chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ của khu vực kinh tế tư nhân.

Điều 27. Sổ tay quản lý tài chính

Bộ Tài chính phối hợp với các nhà tài trợ xuất bản Sổ tay quản lý tài chính. Các Sổ tay này là tài liệu tham khảo về nghiệp vụ chuyên môn và nhằm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Quy định chuyển tiếp

1. Các thư tín dụng hoặc hợp đồng theo hình thức ủy quyền cho nước ngoài chi trực tiếp đã được Bộ Tài chính phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục giải ngân theo quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC hoặc theo thỏa thuận giữa chủ dự án và nhà thầu.

2. Quy trình hạch toán ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC tiếp tục áp dụng đến hết niên độ ngân sách 2016. Quy trình hạch toán ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này áp dụng từ niên độ ngân sách 2017. Trường hợp có sai sót trong quá trình hạch toán, ghi thu ghi chi từ niên độ 2016 trở về trước phát hiện sau khi kết thúc niên độ ngân sách 2016 thì việc điều chỉnh áp dụng theo quy trình hạch toán quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC.

3. Chủ tài khoản cấp 2 bằng VNĐ mở theo thỏa thuận với nhà tài trợ trước ngày hiệu lực của Thông tư này có trách nhiệm chuyển đổi sang tài khoản bằng ngoại tệ vay nước ngoài trong vòng 6 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2016 và thay thế Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi áp dụng Thông tư này có nội dung đặc thù, Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan để hướng dẫn các nội dung cụ thể.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa được hướng dẫn tại Thông tư này, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VPTW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- VPCP;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ,CQ thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các tổ chức, đoàn thể;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

HỆ THỐNG MẪU BIỂU

(ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài)

Số phụ lục	Tên mẫu/phụ lục
Mẫu số 1	Mẫu Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp
Phụ lục số 01	Kế hoạch tài chính vốn ODA, vốn vay ưu đãi năm
Phụ lục số 02	Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi
Phụ lục số 02-A	Bảng kê hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi
Phụ lục số 02-B	Bảng kê hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách Nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi (áp dụng đối với dự án chỉ có một cấp tài khoản)
Phụ lục số 03	Báo cáo sao kê số liệu rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi (áp dụng đối với các dự án do Cơ quan cho vay lại kiểm soát chi)
Phụ lục số 04	Báo cáo tình hình giải ngân hàng quý vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của chủ dự án
Phụ lục số 05	Báo cáo tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Cơ quan chủ quản
Phụ lục số 06	Báo cáo kết thúc giải ngân

Mẫu số 01

Chủ dự án:.....
Số:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHI PHÍ HỢP LỆ VỐN SỰ NGHIỆP

Kính gửi: Kho bạc nhà nước .....

Tên dự án:.....

Chủ dự án/Ban QLDA.....mã số ĐVSDNS:.....

Số tài khoản của chủ dự án: - Vốn trong nước.....tại :.....

- Vốn ngoài nước..... ..tại.....

Căn cứ hợp đồng số:.....ngày.... tháng..... năm... Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ biên bản nghiệm thu số...ngày....tháng ...năm... (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLH

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:.....đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán.....đồng.

Số tiền đề nghị: | Tạm ứng | Thanh toán | Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạc

Thuộc nguồn vốn: (HCSN nguồn NSNN; CTMT, ODA, vay ưu đãi).....

Thuộc kế hoạch vốn: Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

(Ghi chú: Đồng tiền đề nghị xác nhận theo quy định của hợp đồng,...)

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....

Bằng chữ:.....

.....

(Ghi rõ: Vốn vay...../hoặc viện trợ không hoàn lại.....)

Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước.....

+ Vốn ngoài nước.....

- Thuế giá trị gia tăng
- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)
- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số).....

+ Vốn trong nước.....

+ Vốn ngoài nước.....

Tên đơn vị thụ hưởng.....

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng.....tại .....

Ngày..... tháng..... năm....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ dự án
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận chứng từ.....

Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do:			

Ghi chú:.....

.....

.....

Cán bộ thanh toán	**Trưởng phòng**	**Giám đốc KBNN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

(Ghi chú: Mẫu giấy này áp dụng để KBNN xác nhận đề nghị tạm ứng/ giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán bằng vốn ODA và vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định của dự án.

Vốn ngoài nước: ghi cụ thể từng nguồn vay, viện trợ (nếu có).

Tên cơ quan chủ quản

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư	Nhà tài trợ/Số hiệu khoản tài trợ	Tổng vốn chương trình, dự án				Luỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo						Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết năm hiện tại						Kế hoạch tài chính năm ...					
					Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn					Tổng số	Chia theo nguồn					Tổng số	Chia theo nguồn				
						Ngoài nước	Vốn đối ứng			Ngoài nước			Vốn đối ứng			Ngoài nước			Vốn đối ứng			Ngoài nước			Vốn đối ứng	
							NSTW	...		ĐTPT	Sự nghiệp	CVL	ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp	CVL	ĐTPT	Sự nghiệp		ĐTPT	Sự nghiệp	CVL	ĐTPT	Sự nghiệp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ																									
A	NGÀNH, LĨNH																									
I	Dự án nhóm A																									
1	Dự án đầu tư mới																									
	Dự án A																									
	...																									
	...																									
2	Dự án chuyển tiếp																									
	Dự án B																									
II	Dự án nhóm ...																									
B	NGÀNH, LĨNH																									
I	Dự án nhóm A																									
1	Dự án đầu tư mới																									
	Dự án C																									
	...																									
	...																									
2	Dự án chuyển tiếp																									
	Dự án D																									

Ghi chú: Ngành, lĩnh vực chi tiết theo 12 lĩnh vực chi thường xuyên theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nướ

Dự án có nhiều nguồn tài trợ báo cáo số liệu lũy kế giải ngân, ước thực hiện và kế hoạch năm theo từng khoản tài

Ngày..... tháng..... năm....

Cơ quan chủ quản

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và

Tên cơ quan chủ quản

Chủ dự án:…… Mã đơn vị quan hệ ngân sách: Nhà tài trợ/số hiệu khoản vay: **Phụ lục số 02**

Tên dự án:…… Niên độ: Phiếu đề nghị số: …./(tên nhà tài trợ)/(niên độ ngân sách)

GIẤY ĐỀ NGHỊ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng	Ngày giải ngân cho người thu	Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)			Tỷ giá	Quy đổi VND (đơn vị: …đồng)			Chênh lệch với số đã kiểm soát chi (nếu có)	Nguồn vốn		Mục lục NSNN	Phương thức giải ngân	Ghi chú
		ĐTPT	Sự nghiệp	CVL		ĐTPT	Sự nghiệp	CVL		NSTW	Hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP			
Đơn rút vốn số…														
…														
…														
Tổng cộng:														
Đơn rút vốn số…														
…														
…														
Tổng cộng:														
Tổng số:														

Chương:

Loại

Mục

Tiểu mục: Số tiền: (bằng số …/bằng chữ)

Mã CTMT nếu dự án thuộc CTMTQG

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

- Tổng vốn cấp phát:

Trong đó: + ĐTPT:

+ HCSN:

- Tổng vốn vay lại:

Ngày…… tháng….. năm…. *Ngày…… tháng….. năm….*

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ dự án	Cán bộ thanh toán	Trưởng phòng	Giám đốc KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Ghi chú: Giấy đề nghị hạch toán cần được lập riêng cho từng khoản tài trợ và từng niên độ ngân sách.

Giấy đề nghị hạch toán do Chủ dự án phát hành và đánh số thứ tự.

Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ thì báo cáo số vốn vay lại theo tỷ lệ để phục vụ đối chiếu.

Chủ dự án:..... Mã đơn vị quan hệ ngân sách:... Nhà tài trợ/số hiệu khoản vay: **Phụ lục số 02-A**

Tên dự án:..... Niên độ:

BẢNG KÊ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

(Áp dụng đối với dự án có tài khoản cấp 1 và 2)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng	Ngày giải ngân cho người thụ hưởng	Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)			Tỷ giá	Quy đổi VND (đơn vị: ...đồng)			Phân loại theo nguồn vốn		Giấy đề nghị hạch toán giải ngân được KBNN xác		Lệnh chi hạch toán NSNN của KBNN		Phương thức giải ngân	Ghi chú (*)
		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại	NSTW	Hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP	Số	Ngày	Số	Ngày		
Ban QLDATW																
Kế hoạch vốn năm được duyệt (A)						?	?	?								
Đơn rút vốn số...																
...																
...																
...																
Tổng cộng:																
Đơn rút vốn số...																
...																
...																
...																
Tổng cộng:																
Lũy kế giải ngân theo kế hoạch						?	?	?								

Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng	Ngày giải ngân cho người thụ hưởng	Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)			Tỷ giá	Quy đổi VND (đơn vị: ...đồng)			Phân loại theo nguồn vốn		Giấy đề nghị hạch toán giải ngân được KBNN xác		Lệnh chi hạch toán NSNN của KBNN		Phương thức giải ngân	Ghi chú (*)
		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại	NSTW	Hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP	Số	Ngày	Số	Ngày		
Còn được giải ngân theo kế hoạch năm (C=A-						?	?	?								
Ban QLDA tỉnh X																
Đơn rút vốn số...																
...															TK cấp 2	Chi từ TK cấp 2
...															TKTƯ	Ban QLDATW chi từ TK cấp 1
...															Trực tiếp	
Tổng cộng:																
Ban QLDA tỉnh Y																
Đơn rút vốn số...																
...																
...																
...																
Tổng cộng:																
Tổng số:																

Ngày..... tháng..... năm....

Người lập | **Kế toán trưởng** | **Chủ dự án**

(Ký, ghi rõ họ tên) | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Ghi chú: Bảng kê tổng hợp lập gửi kèm đơn rút vốn đối với các dự án ô, có một tài khoản tạm ứng tại cấp Trung ương và nhiều tài khoản cấp 2. Tùy theo tính chất các khoản chi, chủ dự án kê rõ các khoản chi của từng dự án thành phần để làm cơ sở đối chiếu với các Phiếu hạch toán NSNN được KBNN xác nhận.

Mỗi niên độ ngân sách lập một bảng kê riêng.

Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ thì báo cáo số vốn vay lại theo tỷ lệ để phục vụ đối chiếu.

Chủ dự án:..... Mã đơn vị quan hệ ngân sách:... Nhà tài trợ/số hiệu khoản vay: **Phụ lục số 02-B**

Tên dự án:..... Niên độ:

BẢNG KÊ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

(Áp dụng đối với dự án chỉ có tài khoản cấp 1)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng	Ngày giải ngân cho người thụ hưởng	Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)			Tỷ giá	Quy đổi VND (đơn vị: ...đồng)			Phân loại theo nguồn vốn (NSTW hoặc NSTW hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP)	Giấy đề nghị hạch toán giải ngân được KBNN xác nhận		Lệnh chi hạch toán NSNN của KBNN		Hình thức rút vốn	Ghi chú (*)
		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại		Số	Ngày	Số	Ngày		
Đơn rút vốn số...															
...															
...															
...															
Tổng cộng:															

Ngày..... tháng..... năm....

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ dự án
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Ghi chú: bảng kê tổng hợp lập gửi kèm đơn rút vốn đối với các dự án. Tùy theo tính chất các khoản chi, chủ dự án kê rõ các khoản chi của từng dự án thành phần để làm cơ sở đối chiếu với các Phiếu hạch toán NSNN được KBNN xác nhận.

Mỗi niên độ ngân sách lập một bảng kê riêng.

Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ thì báo cáo số vốn vay lại theo tỷ lệ để phục vụ đối chiếu.

Phụ lục số 03

Chủ dự án:..... Nhà tài trợ:

Tên dự án:..... Niên độ:

Cơ quan cho vay lại:

BÁO CÁO SAO KÊ RÚT VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

(kèm theo đơn rút vốn số..., cho giai đoạn từ ngày ... đến ngày ...)

(Áp dụng cho chương trình, dự án vay lại)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng	Ngày giải ngân cho người thụ hưởng	Số tiền ngoại tệ	Quy VNĐ	Tỷ giá	Phương thức giải ngân	Ghi chú
Tổng số						

Người lập **Kế toán trưởng** **Chủ dự án**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Mỗi niên độ ngân sách lập một bảng kê riêng.

Tên cơ quan chủ quản **Phụ lục 04**

Chủ dự án:..... **Niên độ:**

Tên dự án:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

(Kỳ báo cáo quý …/20...)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

Nguồn vốn vay	Nhà tài trợ/Số hiệu khoản tài trợ	Dự toán vốn năm được giao			Thực hiện Quý .../2016						Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo									Ghi chú
					ĐTPT		Sự nghiệp		Cho vay lại		ĐTPT			Sự nghiệp			Cho vay lại			
		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Trong đó, số đã được hạch toán	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Trong đó, số đã được hạch toán	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Trong đó, số đã được hạch toán	
I. Vốn vay ODA																				
Số tiền ngoại tệ																				
Quy VNĐ																				
II. Vốn vay ưu đãi																				
Số tiền ngoại tệ																				
Quy VNĐ																				
Tổng I+II																				
Số tiền ngoại tệ																				
Quy VNĐ																				

Ngày..... tháng..... năm....

Người lập **Chủ dự án**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Tên cơ quan chủ quản **Phụ lục 05**

Niên độ:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VÀ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

(Kỳ báo cáo từ 01/01/20… - 30/6/20...); (Kỳ báo cáo từ 1/7/20… - 31/12/20…)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

Dự án	Nhà tài trợ/Số hiệu khoản tài trợ	Dự toán vốn năm được giao			Thực hiện kỳ báo cáo						Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo					Ghi chú
					ĐTPT		Sự nghiệp		Cho vay lại							
		ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	ĐTPT	Sự nghiệp	Cho vay lại	Tổng số	Trong đó, số đã xác nhận hạch toán	
I. Vốn vay ODA																
Dự án …																
Dự án …																
Tổng (bằng ngoại tệ)																
Quy VNĐ																
II. Vốn vay ưu đãi																
Dự án …																
Dự án …																
Tổng (bằng ngoại tệ)																
Quy VNĐ																
III. ODA viện trợ không hoàn lại																
Dự án …																
Dự án …																
Tổng (bằng ngoại tệ)																
Quy VNĐ																
Tổng I+II+III (ngoại tệ)																
Quy VNĐ																

Ngày…… tháng….. năm….

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan chủ quản

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Cơ quan chủ quản: **Phụ lục 06**

Chủ dự án:…… Nguồn vốn:

Tên dự án:……..

BÁO CÁO KẾT THÚC RÚT VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

Đơn rút vốn	Ngày nhà tài trợ giải ngân	Số tiền ngoại tệ	Tỷ giá	Quy VNĐ	Phương thức giải ngân	Ghi chú
…						
…						
Tổng năm 20…						
…						
…						
Tổng năm 20…						
…						
…						
Tổng số						

Ngày…… tháng….. năm….

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Chủ dự án**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*